

Bản án số: 30 /2026/HNGĐ – ST

Ngày 29 tháng 5 năm 2026.

“ Về việc Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Tuyết Lan;
2. Ông Nguyễn Văn Duyệt;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2026/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026; Giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Thào Thị X, sinh ngày 12/5/1997;

Số căn cước công dân: 015197006....

Địa chỉ: Thôn N 1, xã A , tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Anh Vàng A Q, sinh ngày 10/02/1994.

Số căn cước công dân: 010094003....

Địa chỉ: Thôn N 1, xã A, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Chinh – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 04/3/2026 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Thào Thị X trình bày:

Chị và anh Vàng A Q kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã A, tỉnh Lào Cai) vào ngày 27/02/2019 theo đúng Quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn anh, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị X trình bày là do chị nghi ngờ anh Q không chung thủy và có người con gái khác, ngoài ra anh Q còn hay gây sự, chửi mắng đánh đập chị. Chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Q không thay đổi, từ đó vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Thực tế từ năm 2023 anh, chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vàng A Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Vàng A Q không có tài sản chung, vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Vàng A Q không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thào Thị X.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 chấp nhận yêu cầu của chị Thào Thị X được ly hôn với anh Vàng A Q;

Về con chung: Chị Thào Thị X và anh Vàng A Q chưa có con chung.

Về tài sản chung: Anh, chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Thào Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với bị đơn anh Vàng A Q, do anh thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, vì vậy không tổng đạt trực tiếp được, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Quả không đến và không nộp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này chị Thào Thị X có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, vì vậy vụ án này không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo Quy định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực hiện đúng Quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Thào Thị X được ly hôn anh Vàng A Q.

Về án phí: Chị Thào Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vàng A Q có địa chỉ tại xã A Mú Sung, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân Khu vực 7- Lào Cai thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Chị Thào Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Vàng A Q vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thào Thị X và anh Vàng A Q.

[2] Chị Thào Thị X và anh Vàng A Q kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nc, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã A, tỉnh Lào Cai) vào ngày 27/02/2019 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị X trình bày là do chị nghi ngờ anh Q không chung thủy và có người con gái khác, ngoài ra

anh Q còn hay gây sự, chửi mắng đánh đập chị. Chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Q không thay đổi từ đó vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Thực tế từ năm 2023 anh, chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh Q là có thật; lời trình bày của chị X phù hợp với nội dung xác minh tại địa phương, bản thân anh Quả đã biết được chị X có đơn ly hôn nhưng không có ý kiến gì. Nay chị X ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Xi, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Thảo Thị X được ly hôn anh Vàng A Q.

[4] Về con: Chị Thảo Thị X và anh Vàng A Q chưa có con chung, vì vậy Tòa án không giải quyết.

[5] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Thảo Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Thảo Thị X được ly hôn anh Vàng A Q. Quan hệ hôn nhân của chị Thảo Thị X và anh Vàng A Q chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Thảo Thị X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000837 ngày 11/3/2026. Chị Thảo Thị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7-Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- Người BVQ&LIHP;
- UBND xã A Mú Sung;
- THA DS khu vực 7- Lào Cai;
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

